

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2025

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thia.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hữu ThA.

2. Bà Ngô Thị OA Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Lê Chế Linh - Thảm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần tại ấp Đ, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Bích T, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: A Từ Minh Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Bích T trình bày.

Chị và A Đ quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên chị với A Đ tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/7/2006. Sau khi kết hôn chị sống bên chồng tại ấp Chợ, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống chị và A Đ có 02 con chung tên Từ Trâm A, sinh ngày 07/8/2006 và Từ Minh A, sinh ngày 18/5/2014, hiện các con do chị đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Sau khi kết hôn chị và A Đ sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do A Đ không quan tâm gia đình nên đã bỏ mẹ con chị đi và sống ly thân đến nay hơn 6 năm. Cuối năm 2018 chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng vì suy nghĩ đến các con nên chị đã rút lại đơn khởi kiện. Đến nay không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân đã nhiều năm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với A Từ Minh Đ.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Từ Minh A, sinh ngày 18/5/2014, không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi. Riêng con chung tên Từ Trâm A, sinh ngày 07/8/2006 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn A Từ Minh Đ: Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng A Đ không chấp hành nên Tòa án không thể lấy lời khai, cũng như tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thạch Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và yêu cầu triệu tập thêm ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 57, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị Thạch Bích T được ly hôn với A Từ Minh Đ. Về con chung: Giao con chung tên Từ Minh A, sinh ngày 18/5/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng do chị T không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Riêng con chung tên Từ Trâm A, sinh ngày 07/8/2006 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Thạch Bích T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Thạch Bích T yêu cầu được ly hôn với A Từ Minh Đ. Bị đơn A Từ Minh Đ, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp Đ, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án trA chấp về “Ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn A Từ Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt A Từ Minh Đ theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân, chị Thạch Bích T kết hôn với A Từ Minh Đ trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/7/2006. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị T và A Đ do Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cấp và chị T giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị T và A Đ là hợp pháp. Nguyên nhân xin ly hôn chị T cho rằng A Đ không quan tâm gia đình nên đã bỏ mẹ con chị đi và sống ly thân đến nay hơn 6 năm. Cuối năm 2018 chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng vì suy nghĩ đến các con nên chị đã rút lại đơn khởi kiện. Theo biên bản xác minh ngày 23 tháng 01 năm 2025 ông Từ Minh Tốt la cha ruột và bà Từ Thị Phụng là chị ruột của A Đ đều xác nhận chị T và A Đ có mâu thuẫn và sống ly thân cách nay trên 02 năm, nghe thông tin A Đ hiện nay có vợ khác. Chị T xác định không còn tình cảm với A Đ nữa và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập A Đ nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng A Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng minh rằng A Đ không tôn trọng pháp luật, không còn tình cảm với chị T và cũng không cần thiết hàn gắn việc hôn nhân gia đình giữa A và chị T. Tất cả các điều đó cho thấy hôn nhân của A Đ, chị T mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho A Đ, chị T và các con. Từ những nhận định trên,

xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hiện con chung tên Từ Minh A, sinh ngày 18/5/2014 do chị T đang nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Để đảm bảo cho cuộc sống của con không bị thay đổi, do từ nhỏ đã sống với mẹ nên giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Riêng con chung tên Từ Trâm A, sinh ngày 07/8/2006 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thạch Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Bích T về việc yêu cầu được ly hôn với A Từ Minh Đ.

Về hôn nhân: Chị Thạch Bích T được ly hôn với A Từ Minh Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Từ Minh A, sinh ngày 18/5/2014 cho chị Thạch Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh A). Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết. Riêng con chung tên Từ Trâm A, sinh ngày 07/8/2006 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi

con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Thạch Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002775 ngày 21/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Chị Thạch Bích T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Bích T có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A Từ Minh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thia